

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/DS-PT

Ngày 13 – 12 – 2022

V/v “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Đức Hòa

Bà Nguyễn Thị Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 83/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc “Đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐ-PT ngày 07-10-2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐ-PT ngày 18-10-2022, quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐ-PT ngày 10-11-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn U, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quang T, sinh năm 1985; là luật sư thuộc Văn phòng luật sư tỉnh Đ, đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số X, đường Y, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Địa chỉ: Quốc lộ X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Trang Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, là đại diện theo pháp luật (vắng mặt); ông Nguyễn Văn L – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X, là đại diện theo ủy quyền (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị H – Phó trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện X, là đại diện theo ủy quyền (có mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Dương Tiến T, sinh năm 1954; địa chỉ: Số nhà X, đường Y, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

4. Người kháng cáo:

Ông Trần Văn U, sinh năm 1948; là nguyên đơn trong vụ án (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - ông Trần Văn U và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Vào tháng 7/1990, ông Trần Văn U (Ông U) có cho Công ty thương nghiệp cung ứng xuất nhập khẩu huyện X (Gọi tắt là công ty Xuất nhập khẩu) trực thuộc UBND huyện X, tỉnh Đồng Nai vay 40 lượng vàng 24k (Loại vàng 9999) và 46.485.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh. Số vàng và tiền này ông U giao cho giám đốc Công ty là ông Dương Tiến T. Ông U cho Công ty vay 02 lần trước thời điểm Công ty bị đình chỉ hoạt động, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ông U cho Công ty vay số tiền là 46.485.000 đồng. Sự việc như sau: Trước đây, ông Võ Tấn H (Ông H) có nợ tiền của Công ty (Bao nhiêu thì không nhớ). Sau đó, ông U là người đứng ra bảo lãnh số tiền nợ này cho ông H nên khi ông U cho Công ty vay tiền, ông U đưa cho ông T - Giám đốc công ty số tiền hơn 100.000.000 đồng nhưng ông T đã trừ vào số tiền nợ của ông H và số tiền mà ông U cho Công ty vay, sau khi cân trừ nợ của ông H và tiền ông U đưa cho Công ty thì còn dư lại 46.485.000 đồng, Công ty nợ ông U. Tại bảng thống kê công nợ phải trả (Bút lục số 87) ghi tên ông Võ Tấn H, Xuân Lộc, Đồng Nai ghi còn nợ ông H số tiền là 46.485.000 đồng nhưng thực chất là tiền của ông U đã cân trừ cho ông H nhưng khi ghi biên bản thì vẫn ghi tên ông H. Lúc đó ông U thấy ghi tên ông H, ông U cũng không có thắc mắc gì vì sau này khi làm giấy xác nhận công nợ ngày 20/5/1993 có thể hiện số tiền 46.485.000 đồng. Tóm lại số tiền 46.485.000 đồng là của ông U.

Lần thứ 2: Ông U tiếp tục cho Công ty vay 40 cây vàng 24k như sau: Ông U đưa cho ông T - Giám đốc công ty 40 cây vàng 24k, trước khi Công ty có quyết định giải thể.

Cả 02 lần ông U đưa vàng và tiền cho ông T – Giám đốc công ty đều làm biên nhận nhưng ngày 08/3/1993 Công ty làm thẻ xác nhận nợ đưa cho ông U thì Công ty thu lại 02 tờ biên nhận này. Số tiền và vàng này được thể hiện tại thẻ xác nhận nợ ngày 08/03/1993 của UBND huyện X và xác nhận của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện X ngày 20/5/1993.

Công ty hoạt động được một thời gian thì ông U không biết vì lý do gì mà Công ty ngừng hoạt động và một số lãnh đạo của Công ty bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên việc tiếp nhận, quản lý tài sản, tài chính của Công ty được bàn giao cho Ban thanh toán công nợ huyện X giải quyết. Vụ án hình sự được Tòa án nhân

dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử bằng bản án hình sự sơ thẩm số 78/ HS-ST ngày 27/08/1995. Bản án này có nội dung được thể hiện như sau: “Về trách nhiệm dân sự: Do hiện nay Công ty thương nghiệp cung ứng xuất nhập khẩu huyện X đã bị giải thể (Tháng 12/1990) tài sản của Công ty sau khi bị giải thể, các khoản nợ phải thu phải trả của Công ty hiện do Ban thanh toán công nợ huyện X đảm nhận, giải quyết. Và tại công văn số 185 ngày 21/08/1995 của UBND huyện X có yêu cầu Tòa án để lại phần thanh toán công nợ của công ty cho Ban thanh toán công nợ của huyện tiếp tục đảm nhận, giải quyết. Xét yêu cầu của UBND huyện X là hợp tình, hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế nên để tránh xáo trộn về phần trách nhiệm dân sự Tòa án không đặt ra để xem xét”.

Từ thời gian đó đến nay, ông U đã rất nhiều lần làm đơn kiến nghị yêu cầu giải quyết nhưng UBND huyện X không chịu thanh toán công nợ cho ông U. Nay, ông U khởi kiện yêu cầu UBND huyện X trả lại 40 cây vàng 24k loại 9999 và 46.485.000 đồng theo thẻ xác nhận nợ ngày 08/03/1993 và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông U xin rút một phần yêu cầu khởi kiện phần tính lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật đối với 40 cây vàng 24k loại 9999 và 46.485.000 đồng theo thẻ xác nhận nợ ngày 08/03/1993.

[2] *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn - Ủy ban nhân dân huyện X trình bày:*

Huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được tái lập từ huyện X, tỉnh Đồng Nai vào ngày 12/8/1991. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông U, UBND huyện X có ý kiến như sau: Ngày 17/10/2003, UBND huyện X đã có văn bản số 624/UB-VP trả lời đơn thư khiếu nại của ông U, theo đó việc ông U yêu cầu Công ty Xuất nhập khẩu trả lại 40 cây vàng 24k loại 9999 và 46.485.000 đồng là không có cơ sở. Vì căn cứ vào hồ sơ sổ nợ đã được thể hiện của 02 chủ nợ, gồm:

- Ông Trần Văn U: 40 lượng vàng
- Ông Võ Tấn H: 46.485.000 đồng.

Nhưng thời gian phát sinh nợ lại là tháng 7/1990. Trong khi đó Công ty đã có Quyết định số 145/QĐ.UBH ngày 28/4/1990 của UBND huyện X về việc ngưng hoạt động Công ty kể từ ngày 02/5/1990. Vì vậy, số công nợ giữa ông U với ông Dương Tiến T phát sinh sau ngày Công ty đã có quyết định ngưng hoạt động. Do đó, số công nợ không thuộc thẩm quyền xem xét giải quyết của UBND huyện X.

[3] *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N là vợ của ông Trần Văn U. Số vàng và tiền mà ông U khởi kiện UBND huyện X là tài sản chung của vợ chồng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U.

Ông Dương Tiến T: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

[4] *Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên xử:*

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn U phần tính lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật đối với 40 cây vàng 24k loại 9999 và 46.485.000 đồng theo thẻ xác nhận nợ ngày 08/03/1993.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn U về việc “Đòi lại tài sản” đối với Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

[5] *Nội dung kháng cáo:*

Ngày 15-6-2022, Tòa án nhân dân huyện X nhận được đơn kháng cáo của ông Trần Văn U có nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ủy ban nhân dân huyện X phải trả lại cho ông U số tiền: 46.485.000 đồng và 40 cây vàng.

[6] *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông Trần Văn U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo:

Ngày 03/12/1990, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành quyết định số 1668/QĐ-UBT về việc giải thể Công ty. Tại Điều 2 của Quyết định này Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện X thành lập Hội đồng giải thể Công ty và thủ tục giải thể được thực hiện theo quyết định số 315-HĐBT ngày 01-9-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về chấn chỉnh và tổ chức lại sản xuất và kinh doanh khu vực kinh tế quốc doanh. Về khả năng thanh toán công nợ của công ty: Tại Kết luận số 03/KSC ngày 28-12-1990 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện X đã xác định Công ty mất khả năng thanh toán nợ. Vì vậy, các khoản tiền Công ty nợ nói chung và nợ của ông U nói riêng sẽ không được thanh toán theo Điều 14 Quyết định 315-HĐBT nêu trên. Hơn nữa, Thẻ xác nhận nợ cũng chỉ ghi nội dung trình bày của Công ty với chủ nợ là ông Trần Văn U; tại Công văn số 10/TTN ngày 05-6-1991 của Ban thanh toán công nợ huyện X và Công văn số 185/CV.UBH ngày 21-8-1995 của UBND huyện X cũng không chứa đựng nội dung nào thể hiện UBND huyện X cam kết có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ của Công ty trước đây đã giải thể. Do đó, Tòa án nhân dân huyện X đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn U là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông U, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trần Văn U đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Ông Dương Tiến T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn U thì thấy:

[2.1] Về việc thành lập và giải thể Công ty thương nghiệp cung ứng xuất nhập khẩu huyện X (gọi tắt là Công ty Xuất nhập khẩu).

Ngày 22/11/1989, Ủy ban nhân dân (gọi tắt UBND) tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định 2608/QĐ.UBT thành lập Công ty Xuất nhập khẩu và ủy quyền cho UBND huyện X trực thuộc tỉnh Đồng Nai làm cơ quan chủ quản cấp trên đối với Công ty Xuất nhập khẩu. Người đại diện hợp pháp của Công ty Xuất nhập khẩu là ông Dương Tiến T, chức vụ giám đốc theo quyết định số 2622 ngày 29/11/1989. Trong quá trình hoạt động do Công ty làm ăn thua lỗ nên ngày 28/4/1990, UBND huyện X ban hành quyết định số 145/QĐ-UBH về việc đình chỉ hoạt động Công ty và ngày 03/12/1990, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định số 1668/QĐ-UBT về việc giải thể Công ty Xuất nhập khẩu do bị thua lỗ nghiêm trọng.

[2.2] Căn cứ vào các chứng cứ là: (1) Biên bản xác minh đối chiếu công nợ gồm có đại diện Đoàn Kiểm sát tại chỗ, đại diện Công ty Xuất nhập khẩu và chủ nợ ông U, ông Võ Tấn H ngày 25/9/1990 thể hiện “*CTY còn nợ ông Trần Văn U: 40 cây vàng x 2.485.000 đồng = 99.400.000 đồng, Võ Tấn H 46.485.000 đồng*”; (2) Kết luận số 03/KSC ngày 28/12/1990 của UBND huyện X ban hành về tình hình tuân thủ pháp luật của Công ty Xuất nhập khẩu thể hiện tại phần công nợ phải trả số liệu đến 30/8/1990 “*Nợ tư nhận Do + U: 145.500.000đ (60 triệu + 40 cây vàng = 13tr500*”; (3) Thẻ xác nhận nợ số 395101 được ông U khai ngày 08-3-1993 và xác nhận của Trưởng đoàn kiểm sát tại chỗ, của Trưởng Ban Thanh toán nợ thể hiện nội dung “*Công ty Xuất nhập khẩu còn nợ ông U 40 cây vàng 24k loại 9999 và 46.485.000 đồng*”; (4) Bản kết luận điều tra số 03/KSĐT-PC16 ngày 30/11/1994 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thể hiện “*Công ty Xuất nhập khẩu mất khả năng thanh toán là: 1.689.153.563đ và 40 lượng vàng*”; (5) Cáo trạng số 09/KSĐT-KT ngày 15/7/1995 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thể hiện: “*Tổng cộng nợ Công ty phải trả cho*

10 đơn vị và cá nhân = 1.597.745.373đ + 114.974,27 USD + 40 lượng vàng"; (6) Bản án số 78/HSST ngày 27-8-1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũng thể hiện tổng nợ phải trả trong đó có *"nợ của ông Võ Tấn H 46.485.000 đồng và nợ của ông Trần Văn U 40 lượng vàng"*; thì có đủ cơ sở để xác định: vào năm 1990, Công ty Xuất nhập khẩu có nợ của ông Trần Văn U 40 lượng vàng 24k loại 9999 và nợ ông Võ Tấn H 46.485.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: việc ông U đưa cho ông T 40 cây vàng 24k loại 9999 là đưa cho cá nhân ông Dương Tiến T vào ngày 25/9/1990 và tại thời điểm này Công ty đã có quyết định đình chỉ hoạt động, để khẳng định đây là tiền vay cá nhân của ông T, không phục vụ vào việc kinh doanh của Công ty là chưa phù hợp. Bởi lẽ, quyết định đình chỉ hoạt động của UBND tỉnh Đồng Nai không có quy định nào bắt buộc Công ty phải ngừng ngay việc kinh doanh; đồng thời Bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát, Bản án hình sự của Tòa án xét xử năm 1995 dựa trên khoản nợ của Công ty trong đó có khoản vay 40 lượng vàng ông U không có khả năng thanh toán để truy tố và xét xử áp dụng mức hình phạt cho bị cáo Dương Tiến T.

[2.3] Xét yêu cầu của ông U về việc buộc UBND huyện X phải trả lại 40 lượng vàng 24K loại 9999 thì thấy:

Theo xác nhận của ông Trần Văn U tại Tòa án thì khoản nợ 40 lượng vàng 24k loại 9999 được ông U cho Công ty Xuất nhập khẩu vay không có tài sản bảo đảm, nên xác định ông U là chủ nợ không có bảo đảm bằng vật thế chấp.

Tại quyết định số 1668/QĐ-UBT ngày 03/12/1990 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giải thể Công ty Xuất nhập khẩu do bị thua lỗ nghiêm trọng có nội dung: *"Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho UBND huyện X thành lập Hội đồng giải thể Công ty Thương nghiệp Cung ứng Xuất nhập khẩu theo quy định một số điểm cơ bản về thủ tục giải thể xí nghiệp quốc doanh bị thua lỗ nghiêm trọng (ban hành kèm theo quyết định 315-HĐBT ngày 01-9-1990"*. Căn cứ vào Điều 5 Quyết định 315-HĐBT ngày 01-9-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về chấn chỉnh và tổ chức lại sản xuất kinh doanh trong kinh tế quốc doanh thì *"Trường hợp có quyết định giải thể xí nghiệp, Hội đồng giải thể xí nghiệp phải xây dựng các biện pháp cần thiết để thanh lý tài sản và phân chia giá trị còn lại của xí nghiệp trình Bộ trưởng hoặc Chủ tịch UBND thông qua thực hiện"*. Như vậy, kể từ khi Công ty Xuất nhập khẩu bị giải thể thì Hội đồng giải thể Công ty Xuất nhập khẩu (cụ thể là Ban thanh toán công nợ huyện X) là người phải xây dựng các biện pháp cần thiết để thanh lý tài sản và phân chia giá trị còn lại của Công ty và trình Chủ tịch UBND tỉnh thông qua. Điều này đã được thể hiện tại Công văn số 185/CV-UBH ngày 21-8-1995 của UBND huyện X *"yêu cầu Tòa án để lại phần thanh toán công nợ của Công ty cho Ban thanh toán nợ của huyện tiếp tục đảm nhiệm và giải quyết"*.

Căn cứ vào Điều 14 Quyết định 315-HĐBT ngày 01-9-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về chấn chỉnh và tổ chức lại sản xuất kinh doanh trong kinh tế quốc doanh quy định:

“Trong quá trình tiến hành các thủ tục giải thể xí nghiệp, các khoản chi cần thiết để thực hiện các thủ tục đó được thanh toán từ giá trị thu được của xí nghiệp.

Giá trị thu được từ việc bán tài sản của xí nghiệp, sau khi trừ các chi phí nói trên, được sử dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội mà xí nghiệp còn nợ cán bộ công nhân.
- Các khoản nợ của các chủ nợ (nợ ngân sách, ngân hàng và các chủ nợ khác...) được tham gia vào việc phân chia tài sản của xí nghiệp.

*Trong trường hợp giá trị thu được không đủ trả hết các khoản nợ, thì tiền lương và bảo hiểm của cán bộ, công nhân vẫn được ưu tiên thanh toán. **Số nợ khác chưa được thanh toán sẽ không được thanh toán nữa**”.*

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện X khẳng định: UBND huyện không lưu giữ hồ sơ của Công ty Xuất nhập khẩu, hồ sơ về Ban thanh toán công nợ nên không thể cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và xác định: từ năm 1991 đến nay, UBND huyện X không tiếp nhận, quản lý tài sản cố định, tài sản lưu động, hay các khoản nợ của Công ty; Công ty Xuất nhập khẩu không còn bất kỳ giá trị tài sản nào. Nguyên đơn – ông Trần Văn U khẳng định: Công ty Xuất nhập khẩu không còn tài sản cố định và tài sản lưu động; nhưng Công ty trực thuộc UBND huyện X nên khi Công ty giải thể thì UBND huyện X phải có trách nhiệm trả nợ thay đổi với khoản nợ của ông U.

Tại Kết luận số 03/KSC ngày 28-12-1990 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện X đã xác định Công ty mất khả năng thanh toán nợ. Đồng thời, tại bản án hình sự số 78/HSST ngày 27-8-1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã xác định: “Tổng số nợ phải trả của Công ty Xuất nhập khẩu là: 1.597.745.373 đồng + 113.432,16 USD và 40 lượng vàng. Tổng số nợ phải thu của Công ty Xuất nhập khẩu là 1.479.315.949 đồng trong đó đã được ký xác nhận nợ 981.978.086 đồng (có 977.226.846 đồng không có khả năng thu hồi do tài sản đã bị xử lý hết) và chưa được ký nhận 497.337.863 đồng. Tài sản của Công ty sau khi giải thể giá trị 502.344.218 đồng. Do đó, không có khả năng trả nợ cho khách hàng dẫn đến bị giải thể”.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua xác nhận của các đương sự trong vụ án thì Công ty Xuất nhập khẩu sau khi bị giải thể không còn bất kỳ giá trị tài sản nào, giá trị tài sản còn lại của Công ty không đủ trả cho các khoản nợ; đối chiếu với quy định tại Điều 14 Quyết định 315-HĐBT ngày 01-9-1990 của Hội đồng Bộ trưởng *“Trong trường hợp giá trị thu được không đủ trả hết các khoản nợ, thì tiền lương và tiền bảo hiểm của cán bộ, công nhân vẫn được ưu tiên thanh toán. Số nợ khác chưa được thanh toán sẽ không được thanh toán nữa”* thì khoản nợ của ông Trần Văn U sẽ không được thanh toán nữa.

Mặt khác, khoản nợ của ông Trần Văn U không thuộc trường hợp được chi trả từ ngân sách nhà nước; bởi lẽ, theo quy định tại Điều 14 Quyết định 315-

HĐBT ngày 01-9-1990 của Hội đồng Bộ trưởng thì ngân sách tỉnh chỉ để hỗ trợ cho việc giải quyết những quyền lợi chính đáng của người lao động.

Do đó, không có căn cứ để buộc UBND huyện X phải trả 40 lượng vàng 24K loại 9999 cho ông Trần Văn U.

[2.3] Xét yêu cầu của ông Trần Văn U về việc buộc UBND huyện X phải trả lại 46.485.000 đồng thì thấy:

Tại biên bản xác nhận đối chiếu công nợ ngày 25-9-1990 thể hiện như sau “*CTY còn nợ ông Trần Văn U: 40 cây vàng x 2.485.000 đồng = 99.400.000 đồng. Võ Tấn H 46.485.000 đồng*”, tại bản kê khai nợ quá hạn tính đến ngày 30-4-1991 thể hiện nợ Công ty nợ ông H số tiền 46.485.000 đồng. Ông Trần Văn U cho rằng đã ứng trước tiền thay cho ông Võ Tấn H nộp vào Công ty, sau khi cân trừ thì Công ty còn nợ 46.485.000 đồng nên số nợ này thực chất là Công ty nợ ông U. Tuy nhiên, ông U không cung cấp được chứng cứ để chứng minh về việc chuyển giao quyền đòi nợ từ ông Võ Tấn H sang cho ông U. Do đó, không có căn cứ để xác định số tiền 46.485.000 đồng là của ông U cho Công ty Xuất nhập khẩu vay. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông U về việc đòi số tiền 46.485.000 đồng là có căn cứ.

Mặt khác như đã phân tích ở trên, Công ty Xuất nhập khẩu đã bị giải thể, giá trị tài sản của Công ty không còn, nên số tiền nợ 46.485.000 đồng cũng không được thanh toán cho chủ nợ theo Điều 14 Quyết định 315-HĐBT ngày 01-9-1990 của Hội đồng Bộ trưởng.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định trên, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn U.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên ông Trần Văn U phải chịu là phù hợp. Tuy nhiên, ông U là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí; căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho ông U.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn U

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 07-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc; cụ thể như sau:

Áp dụng: Điều 10, Điều 14 Quyết định số 315-HĐBT ngày 01/9/1990 của Hội đồng Bộ trưởng; mục 4 phần II của Thông tư số 54/TCCN ngày 13/11/1990

của Bộ tài chính; Điều 321, 322 Bộ luật dân sự năm 1995 và Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn U phần tính lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật đối với 40 cây vàng 24k loại 9999 và 46.485.000 đồng theo thẻ xác nhận nợ ngày 08/03/1993.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn U về việc “Đòi lại tài sản là 40 cây vàng 24k loại 9999 và 46.485.000 đồng theo thẻ xác nhận nợ ngày 08/03/1993” đối với Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Ông Trần Văn U được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Văn U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.697.275đ (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn, hai trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 02679 ngày 19/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Ông Trần Văn U được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Xuân Long